

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26-9-2018
V/v Không công nhận quan hệ vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Mai Thị Kim Thanh;

Ông Trần Việt Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 516/2018/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 8 năm 2018 về không công nhận quan hệ vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Tổ 15, ấp ĐT, xã Đ, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Tổ 15, ấp ĐT, xã Đ, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Chị T, anh T1 vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 26 tháng 7 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Chị và anh T1 chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1991, không có đăng ký kết hôn. Thời gian sống chung giữa vợ, chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là tính tình không hợp nhau, anh T1 không tin tưởng và nghi ngờ chị có quan hệ bất chính với người khác nên thường xuyên uống rượu về nhà gây sự đánh đập

chị nhiều lần, từ đó vợ chồng đã ly thân cách nay khoảng 02 tháng, nay chị nhận thấy không thể duy trì mối quan hệ hôn nhân giữa chị và anh T1 nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định pháp luật.

Về con chung: Chị và anh T1 có 01 người con tên Nguyễn Văn L, sinh ngày 05-10-1993, hiện nay cháu L đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải anh Nguyễn Văn T1 có ý kiến về yêu cầu của nguyên đơn như sau:

Anh thừa nhận những lời trình bày của chị T về thời gian sống chung và vợ chồng không có đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn cũng như thời gian ly thân là đúng. Nay anh không đồng ý ly hôn với chị T do còn thương vợ.

Về con chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về con chung. Hiện nay cháu đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc quyết vụ án: Căn cứ các Điều 9 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn T1.

- Về nuôi con chung: Ghi nhận con chung tên Nguyễn Văn L, sinh ngày 05-10-1993 đã thành niên, chị T và anh T1 không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị T, anh T1 không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn T1 vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh T1.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn T1 chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1991, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và pháp luật về hộ tịch. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn T1 là vợ chồng.

[2.2] Về nuôi con chung: Ghi nhận con chung tên Nguyễn Văn L, sinh ngày 05-10-1993 đã thành niên, chị T và anh T1 không yêu cầu giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị T, anh T1 không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn T1 là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Ghi nhận con chung tên Nguyễn Văn L, sinh ngày 05-10-1993 đã thành niên nên chị T và anh T1 không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận chị T, anh T1 không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0025851 ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn T1 có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và

Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC THADS huyện Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thanh Quốc